

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH
VÀ BÀN GIAO SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

Hợp đồng số: 1609-19/HĐ-ĐHCT-KTB

Gói thầu: “Lắp đặt vách ngăn, vật liệu tiêu âm và thiết bị, dụng cụ nội thất cho 03 phòng thu hình và 01 phòng kỹ thuật cho Trung tâm Liên kết đào tạo, Trường Đại học Cần Thơ năm 2019”

Căn cứ Quyết định số 3743/QĐ-ĐHCT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc phê duyệt kết quả chào hàng cạnh tranh gói thầu: “Lắp đặt vách ngăn, vật liệu tiêu âm và thiết bị, dụng cụ nội thất cho 03 phòng thu hình và 01 phòng kỹ thuật cho Trung tâm Liên kết đào tạo, Trường Đại học Cần Thơ năm 2019”;

Căn cứ Hợp đồng số 1609-19/HĐ-ĐHCT-KTB ngày 16 tháng 9 năm 2019 đã ký giữa Trường Đại học Cần Thơ và Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng KTB;

Căn cứ Quyết định số 5818/QĐ-ĐHCT ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành danh mục văn bản Hiệu trưởng ủy quyền cho các Phó Hiệu trưởng ký thay, thủ trưởng các đơn vị thuộc Trường ký thừa lệnh và ký thừa ủy quyền;

Hôm nay, ngày 18 tháng 12 năm 2019, tại Trường Đại học Cần Thơ, chúng tôi đại diện các bên gồm:

Chủ đầu tư (Sau đây gọi là bên A – bên nhận):

Tên chủ đầu tư: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Địa chỉ: Khu II, đường 3 tháng 2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 02923 830262

Fax : 02923 838474

MST: 1800424257

Số tài khoản: 3713.0.1055506.00000 Tại Kho bạc nhà nước Cần Thơ

Đại diện: Ông Trần Trung Tính

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Và các thành viên:

1. Trung tâm Liên kết Đào tạo:

1.1. Bà Phạm Thị Ngọc Sương, Phó Giám đốc;

1.2. Ông Nguyễn Quốc Đạt, Chuyên viên;

1.3. Ông Lâm Hùng Minh, Chuyên viên.

2. Phòng Kế hoạch-Tổng hợp:

2.1. Ông Trần Phong Phú, Chuyên viên.

3. Phòng Quản trị-Thiết bị:

3.1. Ông Lê Phi Hùng, Trưởng phòng;

3.2. Ông Dương Minh Hoàng, Chuyên viên.

Nhà thầu (Sau đây gọi là bên B – bên giao):

Tên nhà thầu: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG KTB

Địa chỉ: số 94, đường 3 tháng 2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Điện thoại: 0292 3735112 / 0909050318

Tài khoản số: 070055427419

Tại Ngân hàng: Ngân hàng Sacombank – CN. Cần Thơ – PGD.Ninh Kiều.

Mã số thuế: 1801406518

Đại diện: Ông Nguyễn Văn Thúc

Chức vụ: Giám đốc

Và thành viên:

1. Ông: Lê Minh Tâm

Chức vụ: cán bộ kỹ thuật

Hai bên cùng tiến hành ký Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và bàn giao sản phẩm hàng hóa theo nội dung Hợp đồng số 1609-19/HĐ-ĐHCT-KTB ngày 16 tháng 9 năm 2019 đã ký giữa Trường Đại học Cần Thơ và Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng KTB với các nội dung như sau:

1. Bên B đã hoàn thành việc lắp đặt sản phẩm hàng hóa cho Bên A tại địa điểm tầng 8-Nhà Điều hành, Trường Đại học Cần Thơ theo đúng nội dung Hợp đồng số 1609-19/HĐ-ĐHCT-KTB ngày 16 tháng 9 năm 2019 đã ký giữa hai bên. Trong đó: Bên B đã lắp đặt đầy đủ sản phẩm hàng hóa và cung cấp mới hàng hóa với chủng loại, số lượng, model/ký mã hiệu của hàng hóa cho bên A theo đúng nội dung của hợp đồng.

Danh mục chi tiết sản phẩm hàng hoá nghiệm thu khối lượng hoàn thành và bàn giao cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên sản phẩm hàng hóa và chi phí lắp đặt	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Ngăn vách và trần cách âm (trần cao 3 mét)	m2	173	2.060.000	356.380.000
	<u>Kết cấu các vật liệu bao gồm:</u>				
1.1	Tấm thạch cao Gyproc Vĩnh Tường				
	Quy cách: (1220x2440)mm, độ dày 10mm				
1.2	Tấm xốp EPS cách âm, dày 35mm				
1.3	Tấm bông thủy tinh Glasswool, dày 25mm				
1.4	Tấm Gyptone tiêu âm, dày 12,5mm				
1.5	Khung đứng (vách không áp tường) bằng thanh VTE-Wall C75 và thanh ngang U TIK A M29 Vĩnh Tường, dày 0,42mm, khung bằng U TIK A M29 (vách áp tường) cho thanh đứng và thanh ngang				
	Bao gồm chi phí nhân công lắp đặt				
2	Thảm lót nền NA10 hoặc tương đương	m2	53	120.000	6.360.000
	Bao gồm vật liệu phụ và chi phí nhân công lắp đặt				

TT	Tên sản phẩm hàng hóa và chi phí lắp đặt	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
3	Cửa đi nhôm Xingfa hoặc tương đương hệ khung 5.5cm, hệ cánh 8.5cm, phụ kiện bản lề Kimlong hoặc tương đương	Bộ	6	4.750.000	28.500.000
	<u>Quy cách kỹ thuật:</u>				
	Kích thước cửa: (0,9x2,2)m				
	02 lớp cửa				
	Cung cấp bao gồm vật tư phụ và chi phí nhân công lắp đặt				
4	Máy điều hòa nhiệt độ 1 chiều loại âm trần nổi ống gió	Bộ	1	70.000.000	70.000.000
	Nhãn hiệu: Toshiba; Thái Lan sản xuất Dàn nóng: RAV-600AS8-V Dàn lạnh: RAV-600BSP-V				
	Bộ điều khiển trung tâm không dây TCB-ACX32E2 và 03 điều khiển không dây cho 03 phòng				
	Thời gian bảo hành: 36 tháng cho máy nén, 12 tháng cho linh kiện.				
	<u>Hệ thống cung cấp bao gồm:</u>				
	01 dàn lạnh âm trần nổi ống gió (04 ống gió) và 01 dàn nóng Điều khiển đóng ống gió cho từng phòng thông qua điều khiển không dây Điều khiển đóng ống gió toàn bộ thông qua điều khiển trung tâm.				
	<u>Tính năng kỹ thuật:</u>				
	Loại 01 chiều lạnh				
	Luồng không khí (Cao/Trung bình/Thấp): 2.200/2.000/1.760 (m ³ /h)				
	Mức độ ồn: 45/43/40 (dB)				
	Công suất lạnh: 60.000 BTU, tương đương: 7Hp; Sử dụng gas: R410A				
	Điện năng tiêu thụ: 5,87KW				
	Nguồn điện: 3 pha, 380V AC/50-60Hz				
	<u>Cung cấp bao gồm phụ kiện lắp đặt:</u>				
	Ống đồng, ống gen và vật liệu phụ				
	Chi phí nhân công lắp đặt				
5	Hệ thống thông gió tiêu âm	Hệ thống	1	20.000.000	20.000.000
	<u>Quy cách kỹ thuật:</u>				
	Ống thông gió từ dàn lạnh vào 03 phòng				
	Đường kính ống thông gió 300mm				

TT	Tên sản phẩm hàng hóa và chi phí lắp đặt	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Chiều dài đường ống khoảng 30 mét				
	Vật liệu bằng thiếc gia công cuộn tròn và vật liệu tiêu âm				
	Cung cấp bao gồm phụ kiện gia công và chi phí nhân công lắp đặt				
6	Hệ thống điện, đèn chiếu sáng (Bao gồm chi phí nhân công lắp đặt)				
6.1	Đèn led lon 9W Rạng Đông	Cái	30	100.000	3.000.000
6.2	Đèn led rọi ray COB 12W mắt trâu 03 bóng đèn /bộ trên thanh ray dài 1,5 mét	Bộ	3	350.000	1.050.000
6.3	Dây điện nguồn Cadivi 02 ruột 6mm2 kéo tới các ổ cắm	Mét	80	30.000	2.400.000
6.4	Dây điện Cadivi 2,5mm2 kéo tới các bóng đèn	Mét	75	15.000	1.125.000
6.5	Hộp và nắp ổ cắm điện Panasonic (mặt đôi)	Cái	13	35.000	455.000
6.6	Ổ cắm điện 2 chuôi Panasonic (có màn che)	Cái	55	22.000	1.210.000
6.7	Công tắc điện Panasonic cho đèn loại lớn	Cái	10	30.000	300.000
6.8	Cầu chì FF101W-Wide	Cái	13	15.000	195.000
6.9	CB công tắc nguồn máy lạnh Panasonic (2P/25A/30mA)	Cái	4	70.000	280.000
6.10	CB chống giật Panasonic BBDE24031CA (40A/30mA)	Cái	4	550.000	2.200.000
6.11	Switch 24 port	Cái	1	1.000.000	1.000.000
	Nhãn hiệu: TP-LINK Model/ký mã hiệu: TL-SG1024D Xuất xứ: Trung Quốc				
	<u>Tính năng kỹ thuật:</u>				
	Số cổng: 24 cổng RJ45				
	Tốc độ: 10/100/1000Mbps				
	Nguồn điện: Adapter 220V AC/ 50- 60Hz				
	Cung cấp bao gồm đầu dây cáp mạng và chi phí nhân công lắp đặt				
6.12	Dây cáp mạng CAT6	Mét	180	11.500	2.070.000
6.13	Line điện thoại cho phòng kỹ thuật	Dây	1	300.000	300.000
	Bao gồm vật tư và chi phí nhân công lắp đặt				
7	Vách ngăn phòng kỹ thuật	m2	15	250.000	3.750.000
	<u>Bao gồm các vật liệu sau:</u>				

TT	Tên sản phẩm hàng hóa và chi phí lắp đặt	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
7.1	Tấm thạch cao Gyproc Vĩnh Tường				
	Quy cách: (1220x2440)mm, độ dày 4,5mm				
7.2	Khung bằng thanh VTE-Wall C75 Vĩnh Tường				
7.3	Bả bột mastic Nippon 02 lớp				
7.4	Sơn Nippon 01 lớp lót và 02 lớp phủ				
	Bao gồm vật tư phụ và chi phí nhân công lắp đặt				
8	Chi phí tháo dỡ và lắp lại trần tấm Prima cũ và hệ thống báo cháy cũ theo đúng quy trình kỹ thuật	m2	70	30.000	2.100.000
	Cộng				502.675.000
	Thuế VAT 10%				50.267.500
	Tổng cộng (Bao gồm VAT)				552.942.500

Bằng chữ: Năm trăm năm mươi hai triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng.

Tổng giá trị sản phẩm hàng hoá nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và bàn giao: 552.942.500 đồng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi hai triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng). Giá trên đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển, lắp đặt, bàn giao sản phẩm hàng hoá và chi phí bảo hành tại trường Đại học Cần Thơ. (Bản vẽ hoàn công đính kèm).

2. Toàn bộ sản phẩm hàng hoá nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và bàn giao mới 100%, đúng quy cách kỹ thuật, model/ký mã hiệu (đối với thiết bị nguyên chiếc) và nguồn gốc xuất xứ; Bên B đã triển khai lắp đặt và được đại diện bên A thống nhất nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và tiếp nhận sản phẩm hàng hoá đưa vào sử dụng.

3. Tình hình tạm ứng và thanh toán giá hợp đồng:

a) Giá hợp đồng: 552.942.500 đồng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi hai triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng);

b) Giá trị hàng hóa thống nhất nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành: 552.942.500 đồng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi hai triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng);

c) Bên A đã tạm ứng (lũy kế tạm ứng) cho Bên B 40% giá hợp đồng với số tiền: 221.177.000 đồng (bằng chữ: hai trăm hai mươi một triệu một trăm bảy mươi bảy ngàn đồng);

d) Giá trị còn lại Bên A sẽ thanh toán cho Bên B: 331.765.500 đồng (bằng chữ: Ba trăm ba mươi một triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn năm trăm đồng).

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 60% giá hợp đồng còn lại với số tiền: 331.765.500 đồng (bằng chữ: Ba trăm ba mươi một triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn năm trăm đồng) sau khi: (i) Hai bên ký Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và bàn giao sản phẩm hàng hóa; (ii) Bên B cung cấp chứng từ thanh toán theo quy định hiện hành; (iii) Bên B thực hiện bảo lãnh bảo hành bằng chứng thư của ngân hàng hoặc ký quỹ vào tài khoản của Trường có giá trị tương đương 5% (năm phần trăm) giá hợp đồng; (iv) Hai bên ký Biên bản thanh lý hợp đồng theo quy định.

4. Thời gian bảo hành đối với máy nén của máy điều hòa nhiệt độ là 36 tháng (Mức hàng hóa số 4), các sản phẩm hàng hóa còn lại là 12 tháng; Thời gian bảo hành được tính kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và bàn giao sản phẩm hàng hóa này.

Hai bên thống nhất ký Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và bàn giao sản phẩm hàng hóa theo nội dung Hợp đồng số 1609-19/HĐ-ĐHCT-KTB ngày 16 tháng 9 năm 2019 đã ký giữa Trường Đại học Cần Thơ và Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng KTB.

Biên bản này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 (ba) bản, Bên B giữ 01 (một) bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A (Chủ đầu tư, bên nhận)
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Trung Tính

ĐẠI DIỆN BÊN B (Nhà thầu, bên giao)
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG KTB
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thức

CÁC THÀNH VIÊN BÊN A

THÀNH VIÊN BÊN B

1. Trung tâm Liên kết Đào tạo:

1.1. Bà Phạm Thị Ngọc Sương:

1.2. Ông Nguyễn Quốc Đạt:

1.3. Ông Lâm Hùng Minh:

2. Phòng Kế hoạch-Tổng hợp:

Lê Minh Tâm

2.1. Ông Trần Phong Phú:

TPPhu

3. Phòng Quản trị-Thiết bị:

3.1. Ông Lê Phi Hùng:

LFH

3.2. Ông Dương Minh Hoàng:

DMH

22/3